

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/HS-ST

Ngày 15/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Ngô Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 182/2021/TLST-HS ngày 17/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2021/QĐXXST-HS ngày 02/7/2021 đối với:

1. Bị cáo:

1.1 Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 6, L.M, phường V.H, quận L.B, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr sinh năm 1958 và bà Bùi Thị V sinh năm 1959; Chung sống như vợ chồng với anh Tạ Quang Th không có đăng ký kết hôn và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 76/2017/HSST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt T 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 10/12/2018 đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2021 đến ngày 28/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

1.2 Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1992; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T.K, xã Đ.T, huyện Y.P, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị X sinh năm 1964; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 145/2010/HSST ngày 19/5/2010 của Tòa án nhân dân quận H.B.T, thành phố Hà Nội xử phạt Tr 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Cướp tài sản”.

Tại Bản án số 54/2011/HSST ngày 21/4/2011 của Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh Tại Bản án số 54 ngày 21/4/2011 của TAND thị xã T.S xử 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp với Bản án số 145 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 48 tháng tù. Ngày 17/5/2014 bị can chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tại Bản án số 35 ngày 27/4/2016 của TAND thị xã T.S xử 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 01/2/2018 bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án

Ngày 12/10/2018, Nguyễn Văn Tr bị Công an huyện Yên Phong xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994; Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Thôn N.X, xã L.C, huyện Y.P, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Lê Xuân H, sinh 1985; Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/3/2021 tại khách sạn Đ.D I, địa chỉ tại khu đô thị Bắc T.S, phường Tân Hồng, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Văn Tr đã có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, BKS 99D1-292.27 của anh Nguyễn Văn L mang đi cầm cố cho anh Lê Xuân H lấy số tiền 4.500.000đ cùng nhau ăn tiêu hết.

Đến ngày 16/3/2021 tại công viên Đ.B, phường Đ.B, thị xã T.S, Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Văn Tr đã có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 2.700.000đ của chị Nguyễn Thị T1.

Tr đã đến cơ quan Công an đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, màu đen, số Imel 1: 350918046591995, số imel 2: 354107806591991 có lắp sim số 0866539320.

Anh Lê Xuân Hiệu đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 99D1-292.27; 01 tờ lịch ngày 15/3/2021, mặt sau có ghi giấy bán xe có chữ ký của anh Hiệu và Tr

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 35 ngày 25/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 99D1-292.27, số máy G3D4E351355, số khung: RLCUG0610GY334449, xe đăng ký ngày 01/11/2016, xe đã qua sử dụng có giá trị 25.000.000 đồng”.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã T.S để xét xử bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Văn Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: T và Tr là các đối tượng sử dụng chất ma túy và có quan hệ bạn bè xã hội với nhau. Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Khoảng 21 giờ ngày 14/3/2021 T sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung J2, lắp sim số 0343.460.656 gọi đến số điện thoại 0358.037.549 của Tr lắp trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, màu đen để hỏi Tr xem có mượn được xe của ai để cho T cầm cố không thì Tr nói không có. Đến khoảng 08 giờ ngày 15/3/2021 T gọi điện rủ Tr đến phòng 504 khách sạn Đ.D I, địa chỉ tại khu đô thị Bắc T.S, phường Tân Hồng, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh để chơi. Tr đồng ý. Cùng lúc đó, anh Nguyễn Văn L gọi điện cho T để đòi tiền thì T hẹn anh L đến khách sạn Đ.D I để gặp. Anh L điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, BKS 99D1-292.27 đến khách sạn Đ.D I gặp T và được T đưa lên phòng 504. Lúc đó Tr đã đến gặp T và đang ngồi trong phòng. Do biết anh L có đi xe mô tô đến nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh L để mang đi cầm cố. T sử dụng tài khoản zalo của T có tên “Nguyen P.T” nhắn tin với tài khoản zalo của Tr có tên “G.T” để thỏa thuận việc: T sẽ mượn xe của anh L để Tr mang đi cầm cố. Tr đồng ý. Sau đó, T nói với anh L “Cho chị mượn xe để Tr đi ra ngoài có việc”, anh L đồng ý đưa chìa khóa xe cho Tr và nói xe đang để dưới nhà để xe của khách sạn. Sau đó, Tr xuống dưới lấy xe còn T ở trên phòng 504 cùng anh L. Do xe không có giấy tờ Tr không cầm cố được nên đã gọi điện về cho T, sau khi nghe Tr nói T quay sang nói dối anh L là: xe bị Công an giao thông bắt và hỏi anh L có giấy tờ xe không,

anh L nói không có thì T bảo anh L để sau T xin xe cho. Khoảng 05 phút sau, T nhắn cho Tr số điện thoại của anh Nguyễn Huy Đ (hay còn gọi là Đ C) và bảo Tr mang xe đến để anh Đ đưa đi cầm cố. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Tr điều khiển xe mô tô BKS 99D1-292.27 đến nhà anh Đ đón và được anh Đ dẫn đến nhà anh Lê Xuân H. Tại đây, khi được hỏi về nguồn gốc xe thì Tr nói xe mô tô trên là của bố Tr đưa cho để đi cầm, giấy tờ xe Tr để ở nhà không mang đi. Anh H đồng ý cầm cố chiếc xe trên cho Tr với giá 5.000.000đ nhưng cắt lãi 500.000đ nên Tr được nhận số tiền 4.500.000đ, Tr đồng ý và cùng anh H viết 01 giấy bán xe. Sau khi cầm cố được xe, Tr gọi điện cho T thì T bảo Tr đi mua 1 triệu tiền ma túy đá của một người phụ nữ có tên Th1 Ngáo ở phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi mua được ma túy, Tr trả 200.000đ tiền taxi để đi về khách sạn Đ.D I. Tại phòng 504, T, Tr và anh L cùng nhau sử dụng hết số ma túy mà Tr đã mua. Số tiền còn lại là 3.300.000đ Tr đã đưa toàn bộ cho T. Đến chiều cùng ngày khi anh L hỏi về việc xe bị công an giao thông giữ thì Tr đã nói cho anh L biết việc T và Tr đã mang xe của anh L đi cầm cố.

Khoảng 15 giờ ngày 16/3/2021, chị Nguyễn Thị T1 là vợ anh L liên lạc với Tr và thỏa thuận về việc anh chị sẽ đưa cho Tr số tiền 2.700.000đ để Tr đi chuộc xe về trả. Tr gọi điện cho T thì T nảy sinh ý định tiếp tục chiếm đoạt số tiền này nên bảo Tr hẹn vợ chồng anh L đến khách sạn Đ.D I để gặp T rồi cùng đi chuộc xe. Tại đây, T gọi một chiếc xe taxi rồi cùng với Tr và chị T1 (vợ L) đi đến khu vực công viên phường Đình Bảng thì dừng lại. T giả vờ hỏi Tr: xe ở đâu, Tr đáp: xe ở kia, đồng thời yêu cầu chị T1 (vợ L) đưa tiền cho Tr để đi chuộc xe. Khi thấy chị T1 (vợ L) nói: anh lấy xe ra cho em rồi em mới đưa tiền, thì T nói: “Chị còn ngồi đây với em thì em lo gì”, với mục đích khiến chị T1 (vợ L) tin tưởng để đưa tiền cho Tr. Thấy T nói vậy chị T1 (vợ L) tin rằng T và Tr sẽ chuộc xe nên đưa số tiền 2.700.000đ cho Tr. Sau khi cầm tiền thấy không đủ để chuộc xe nên Tr nói với T: Có 2.700.000đ sao lấy được xe, thì T nói với Tr: “Cứ cầm lấy, đi đi”. Tr hiểu ý T là không cần chuộc xe cho chị T1 (vợ L) nữa mà chiếm đoạt luôn số tiền này nên Tr cầm tiền đi, không quay lại. Sau khi chờ một lúc thì không thấy Tr quay lại nên T và chị T1 (vợ L) quay về khách sạn Đ.D I.

Bị hại là anh Nguyễn Văn L đã nhận được xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 99D1-292.27 nên không yêu cầu bồi thường.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo Tr và bị cáo T phải bồi thường cho chị số tiền 2.700.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Xuân H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 4.500.000 đồng. Khi bị cáo Tr cầm cố xe anh không biết đây là xe do phạm tội mà có.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Văn Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 22 đến 25 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/3/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T từ 24 đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2021 đến ngày 28/3/2021.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo T và Tr phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 2.700.000 đồng. Bị cáo T và Tr mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 1.350.000 đồng.

Buộc bị cáo T và Tr phải bồi thường cho anh Lê Xuân H số tiền bị chiếm đoạt 4.500.000 đồng. Bị cáo T và Tr mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Xuân H số tiền 2.250.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, màu đen. Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số 0866539320.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản người phạm tội ra đầu thú và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 15/3/2021 tại khách sạn Đ.D I, địa chỉ tại khu đô thị Bắc T.S, phường T.H, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Văn Tr đã có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, BKS 99D1-292.27 trị giá 25.000.000đ của anh Nguyễn Văn L mang đi cầm cố cho anh Lê Xuân H lấy số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó, ngày 16/3/2021 tại công viên Đ.B, phường Đ.B, thị xã T.S, Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Văn Tr đã có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 2.700.000đ của chị Nguyễn Thị T1 (vợ anh L). Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Văn Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã truy tố.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nên cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo T và Tr đều là đối tượng sử dụng ma túy và đã bị xét xử, chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án nên lần phạm tội này của các bị cáo không được coi là lần đầu.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, bị cáo Tr đã đến Công an đầu thú. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Tr được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trị giá mỗi lần trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử

thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Văn L đã nhận được tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 2.700.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của chị T là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc bị cáo T và Tr mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T1 1.350.000 đồng.

Anh Lê Xuân H yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc bị cáo T và Tr mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Xuân H 2.250.000 đồng.

[6] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, màu đen là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Sim điện thoại số 0866539320 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Huy Đ là người đưa Tr đi cầm cố xe mô tô. Anh Đ không biết chiếc xe mô tô là do Tr chiếm đoạt được mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra đã không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Lê Xuân H là người nhận cầm cố xe mô tô của Tr. H không biết chiếc xe BKS 99D1 – 292.27 do Tr phạm tội mà có nhưng do anh H nhận cầm cố tài sản không có giấy tờ sở hữu hợp pháp nên Công an thị xã T.S đã ra quyết định xử phạt hành chính ngày 25/5/2021 bằng hình thức phạt tiền (số tiền 3.500.000đ) đối với anh H là phù hợp.

Đối với việc anh Dương Thượng Đ, sinh năm 1993, HKTT tại khu phố D.L, phường T.H, thị xã T.S là chủ khách sạn Đ.D I đã để cho người thuê phòng sử dụng chất ma túy nên ngày 28/5/2021 Công an thị xã T.S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền 7.500.000đ là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của L, Tr, T vào 15/03/2021 tại khách sạn Đ.D I, ngày 28/05/2021, Công an thị xã T.S đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “cảnh cáo” đối với Tr, L, T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Văn Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2021 đến ngày 28/3/2021.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/3/2021.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Căn cứ Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Văn Tr phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 2.700.000 đồng. Bị cáo T và Tr mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 1.350.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Văn Tr phải bồi thường cho anh Lê Xuân H số tiền 4.500.000 đồng. Bị cáo T và Tr mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Xuân H số tiền 2.250.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu L pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ Tr hợp pháp luật có quy định khác.

5. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, màu đen. Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số 0866539320. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/6/2021).

Về án phí: Bị cáo Tr và T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

Trong Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã T.S;
- Công an thị xã T.S;
- Chi cục THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh